

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH Đ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/12/2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V – TỈNH Đ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Mi

Ông Nguyễn Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2021/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2021/QĐST – HNGĐ ngày 05/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thương, sinh năm 1974.

- Bị đơn: Ông Trương Thành L, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Tổ 09E, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện V, tỉnh Đ.

(*Bà Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Trương Thành L vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Thành L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Phú, huyện V, tỉnh Đ vào năm 1993 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96/1993. Thời gian đầu chung sống, tình cảm vợ chồng tốt đẹp và hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2016 đến nay giữa bà và ông L liên tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình, giữa vợ và chồng không hiểu nhau nên thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung. Vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ nên sau

nhiều lần nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện V, bà đã rút đơn về để cho ông L cơ hội, nhưng vẫn không có kết quả. Nay, nhận thấy tình cảm với chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Trương Thành L.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trương Minh T, sinh ngày 06/12/1994 và cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 04/12/2000. Do các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về T sản chung: Bà Nguyễn Thị Th khai hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Bị đơn ông Trương Thành L:** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không có văn bản giải trình, không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa. Vì vậy, không có lời trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện V:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Ông Trương Thành L và bà Nguyễn Thị Th trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là cháu Trương Minh T, sinh ngày 06/12/1994 và cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 04/12/2000. Do các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đương sự không yêu cầu giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét.

- Về T sản chung và nợ chung: Khi ly hôn, bà Th xác định tài sản chung hai vợ chồng tự thỏa thuận; Nợ chung vợ chồng bà không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên. Do ông Trương Thành L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông L, nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Thành L; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Th là nguyên đơn còn ông L là bị đơn trong vụ án.

- Ông Trương Thành L có địa chỉ cư trú hiện nay tại số: Tổ 09E, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện V, tỉnh Đ. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đ. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L tại địa chỉ này, nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và tham gia phiên tòa. Ngoài ra, bà Th cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 06/12/2021. Do đó, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà Th và ông L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Thành L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Phú, huyện V, tỉnh Đ vào năm 1993 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96/1993, nên áp dụng các Điều 9; Điều 11 và Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Th xác định thời gian đầu chung sống, tình cảm vợ chồng giữa bà và ông L tốt đẹp, hạnh phúc; tuy nhiên từ năm 2016 đến nay liên tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình, giữa vợ và chồng không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung. Vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ nên sau nhiều lần nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện V, bà đã rút đơn về để cho ông L cơ hội, nhưng vẫn không có kết quả. Nay, nhận thấy tình cảm với ông L đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Trương Thành L.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Th là có cơ sở chấp nhận **vì theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng, trong quá trình chung sống bà Th xác nhận cả hai chỉ hạn phúc được thời gian đầu, sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn hạnh phúc nguyên nhân là ông L thiếu trách nhiệm với gia đình và vợ con, dẫn đến cả hai không tôn trọng và không còn yêu Th giữa chồng với vợ, cuộc sống và mục đích hôn nhân không đạt được. Theo Biên bản xác minh UBND xã Thạnh Phú thì giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Trương Thành L có đăng ký kết hôn theo quy định, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra như thế nào thì do các đương sự không yêu cầu hòa giải nên địa phương không nắm. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh của Công an xã Thạnh Phú thì hiện nay ông Trương Thành L vẫn đang cư trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ 09E, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện V, tỉnh Đ, trong quá trình làm việc, mặc dù ông L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần, nhưng đều cố ý vắng mặt, thể hiện việc không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, phó mặc cho bà Nguyễn Thị Th tiến hành thủ tục ly hôn tại Tòa án. Như vậy, có thể thấy việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa ông L và bà Th là có thật, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Trương Thành L.**

[3]. Về con chung: Ông L và bà Th có 02 con chung là cháu Trương Minh T, sinh ngày 06/12/1994 và cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 04/12/2000. Do các con đã trưởng thành và có khả năng lao động, bà Th không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đặt ra để xem xét thêm.

[4]. Về T sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th xác định T sản chung hai vợ chồng tự thỏa thuận; Nợ chung vợ chồng bà không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên. Do ông Trương Thành L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông L, nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Trương Thành L.

Về con chung: Ông L và bà Th có 02 con chung là cháu Trương Minh T, sinh ngày 06/12/1994 và cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 04/12/2000. Do các con đã trưởng thành và có khả năng lao động, bà Th không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

- Về T sản chung và nợ chung: bà Th xác định T sản chung hai vợ chồng tự thỏa thuận; Nợ chung vợ chồng bà không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên. Do ông Trương Thành L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông L, nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004904 ngày 09/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Bà Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trương Thành L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh;
- VKSND huyện VC;
- THA dân sự ;
- Dương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Đồng Thị Hồng